

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày 24 - 9 - 2025

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Lê.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Quốc Vương và bà Trịnh Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thúy H, sinh năm 1991; nơi thường trú: tổ B, khu A, phường C, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xử án vắng mặt.

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1986; nơi thường trú: tổ B, khu D, phường Q, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại đơn xin xử án vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thúy H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Văn H1 kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn hợp pháp vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố C (nay là phường Q), tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại nhà anh H1 ở tổ B, khu D, phường Q, thành phố C (nay là phường Q), tỉnh Quảng Ninh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa hợp, hạnh phúc. Đến tháng 1 năm 2024, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và anh chị sống ly thân từ thời điểm đó. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng

thường xuyên cãi nhau, không tôn trọng và cảm thông cho nhau. Từ khi sống ly thân đến nay, 2 vợ chồng không quan tâm đến nhau. Mặc dù gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng đều không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hòa giải được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.

- Về con chung: chị và anh Nguyễn Văn H1 có 03 con chung là Nguyễn Minh H2 sinh ngày 17/7/2016, Nguyễn Tuấn A sinh ngày 03/8/2018 và Nguyễn Thùy T sinh ngày 13/01/2024. Từ khi ly thân các con chung vẫn do chị trực tiếp nuôi dưỡng nên khi ly hôn, chị xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả 03 con chung cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Do từ khi ly thân đến nay anh H1 không hề có trách nhiệm với con nên chị không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng cho con chung. Chị và các con đang ở cùng bố mẹ chị, bố mẹ chị có thể hỗ trợ chị mọi mặt từ việc chăm sóc con đến kinh tế để nuôi con. Chị cam đoan đảm bảo đầy đủ các điều kiện cho việc nuôi dưỡng con chung và không ngăn cản anh H1 trong việc thăm nom, chăm sóc con chung.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng nên không có quan điểm về việc ly hôn, con chung, tài sản và vay nợ chung.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần và không thực hiện được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thúy H, chị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1; về con chung: giao các con chung Nguyễn Minh H2, Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Thùy T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi, anh H1 không phải cấp dưỡng cho con, anh H1 được quyền thăm con chung không ai được cản trở; về tài sản, công nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, quan điểm trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Nguyễn Văn H1 hiện cư trú tại phường Q), tỉnh Quảng Ninh. Chị Nguyễn Thúy H khởi kiện xin ly hôn với anh H1 thuộc trường hợp

quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc Hội), điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Quảng Ninh.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn – anh Nguyễn Văn H1 được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Quảng Ninh đã triệu tập họp lệ anh H1 lần thứ hai mà anh H1 vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do và cũng không có người đại diện tham gia tại phiên tòa; chị Nguyễn Thúy H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xử án vắng mặt nên căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: căn cứ vào lời khai của chị Nguyễn Thúy H, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thúy H và anh Nguyễn Văn H1 là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố C (nay là phường Q, tỉnh Quảng Ninh) vào năm 2016. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng nhau tại nhà anh H1 và bắt đầu sống ly thân từ tháng 1 năm 2024. Từ khi sống ly thân chị H và anh H1 không quan tâm đến nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H trình bày là do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, không tôn trọng và cảm thông cho nhau. Gia đình hai bên đã hoà giải nhiều lần nhưng hai vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn. Lời khai của chị H cơ bản phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của anh chị tại nơi cư trú thể hiện: “cho đến khoảng tháng 1 năm 2024 thì chị H chuyển về nhà ngoại ở phường C. Từ đó đến nay chị H và anh H1 vẫn sống ly thân, tổ dân phố biết có mâu thuẫn xảy ra nhưng mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì không nắm được”. Bản thân anh H1 khi được triệu tập họp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng cũng không đến để tham gia tố tụng, chứng tỏ anh H1 cũng không thiện chí, không trách nhiệm trong việc giải quyết mâu thuẫn, không có biện pháp tích cực để vợ chồng về đoàn tụ nên chị H xin ly hôn là hoàn toàn có căn cứ. Hơn nữa, quan hệ hôn nhân phải là tình cảm, là sự quan tâm từ hai phía, nay chị H đã xác định không còn tình cảm vợ chồng và không còn sự quan tâm dành cho anh H1 thì không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân của chị H và anh H1 được. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H1 đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không có, quan hệ hôn nhân không mang lại hạnh phúc cho cả hai, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H đối với anh H1.

- Về con chung: chị H và anh H1 có 03 con chung là Nguyễn Minh H2 sinh ngày 17/7/2016, Nguyễn Tuấn A sinh ngày 03/8/2018 và Nguyễn Thùy T sinh ngày 13/01/2024. Khi ly hôn, chị H có quan điểm đề nghị Tòa án giao cả 03 con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Từ khi ly thân đến nay anh H1 không hề có trách nhiệm với con nên chị không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng cho con chung. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, đại diện khu phố có quan điểm: “trong quá trình chung sống tại địa phương, anh H1 và chị H nuôi dưỡng, chăm sóc tốt các con, không thấy có phản ánh gì không tốt. Cả ba cháu đang ở cùng mẹ là chị H từ khoảng tháng 1 năm 2024 đến nay”. Bố đẻ chị H là ông Nguyễn Văn D có quan điểm: “từ khi chuyển về sinh sống, chị H luôn chấp hành các quy định của khu phố, chăm sóc các con rất tốt với sự hỗ trợ của ông bà ngoại...ông luôn mong con cháu về ở gần, vợ chồng ông đã nghỉ hưu nên có nhiều thời gian và điều kiện để chăm sóc các cháu, ông cam kết tạo mọi điều kiện thuận lợi, hỗ trợ chăm sóc các cháu đến khi trưởng thành”. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh H1 không chấp hành pháp luật, không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên không có quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung khi vợ chồng ly hôn. Quan điểm về việc nuôi con chung của chị H cũng phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Xét thấy yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị H là chính đáng, các con chung đang ở ổn định cùng chị H, chị H cũng có công việc ổn định và thu nhập. Bên cạnh đó, chị H còn có sự hỗ trợ trực tiếp của bố mẹ đẻ nên đảm bảo được việc trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao cả 03 con chung cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp và cũng như đảm bảo được các điều kiện cho sự phát triển cho các con chung. Do chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét; anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ chung: không có.

[3] Về án phí: chị H là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc Hội); điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các Điều 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thúy H.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thúy H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.

2. Về con chung: giao cả 03 con chung Nguyễn Minh H2 sinh ngày 17/7/2016, Nguyễn Tuấn A sinh ngày 03/8/2018 và Nguyễn Thùy T sinh ngày 13/01/2024 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh H1 không phải cấp dưỡng cho con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000030 ngày 16/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự. Báo cho biết: các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSNDKV3 – Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Hải Lê